

Bản án số: 23/2021/HS-PT
Ngày 05 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào TT Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2020/TLPT-HS ngày 29/11/2020 đối với bị cáo TTBT do có kháng cáo của bị cáo TTBT đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT tỉnh Sóc Trăng.

Họ và tên: **TTBT**, sinh năm 1972, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp XA, xã H, huyện CT tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị V; Chồng: Đào K và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 27/3/2020 (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Trương Hoài P – Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị hại:

1. Ông **Mai Văn L**, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp B, xã KT, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp B, xã KT, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Các bị cáo không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập: TM, TT, PNT, TL, BPN. Ngoài ra còn nhiều người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/12/2019, bị cáo TTBT kêu ông Đào K(chồng của TTBT) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83F8-xxxx chở đến nhà TM, sinh năm 1998, ngụ cùng ấp có công việc, trên đường đi ông Đào K hỏi có chuyện gì, bị cáo TTBT nói đến gặp TM nhờ nói chuyện với vợ chồng ông L không đến khu vực xã H mua cá nữa, nghe vậy ông Đào K nói “thôi đi, ai mua cá thì kệ người ta, được nhiều ăn nhiều”, nhưng bị cáo TTBT không nghe và nói “tôi tức ăn ngủ không được, chắc tôi chết”, ông Đào K sợ TTBT buồn dẫn đến sinh bệnh (do TTBT có tiền sử bệnh tai biến) nên tiếp tục chở TTBT đến nhà TM và đậu xe ở ngoài đường lộ bê tông chờ. Bị cáo TTBT vô gặp TM nói “TM ơi con giúp cô đi, cái bà này xú ở đâu đến chặn đường cản cá của cô hết trơn rồi, con đi hăm dọa, đuổi đi bằng cách nào cũng được, đừng cho lại đó mua cá nữa, con đừng đánh đập người ta nhưng phải lấy cây cân đồng hồ và đồ dùng đựng cá để làm tin, thì cô cho con 1.000.000 đồng tiêu xài”. TM trả lời “con sẽ giúp cô, con lấy nồi com điện cho cô”. TM hỏi người đó ở đâu, bị cáo TTBT nói ở K qua, TM tiếp tục hỏi “bà đó cân cá ở đâu?”, bị cáo trả lời khoảng 03-04 giờ sáng tại khu vực cầu Kinh củ, gần trường học trong xã H, huyện CT sau khi nghe bị cáo TTBT nói thì TM đồng ý. TM lấy giấy ghi số điện thoại di động của TM đưa cho bị cáo TTBT, rồi bị cáo TTBT lấy điện thoại của mình gọi đến cho TM biết số. Sau đó, TM kể lại cho BPN và TT là bạn của TM nghe rồi rủ BPN và TT khoảng 03 giờ khuya ngày 09/12/2019 cùng TM đi đe dọa vợ chồng ông L theo yêu cầu thuê của bị cáo TTBT, khi nghe BPN và TT đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, BPN điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L3-xxxx của Sơn Minh K chở TM và TT đến quán cà phê NA, tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện CT kể cho TL và PNT bạn của TM nghe, đồng thời rủ TL và PNT tham gia cùng với TM, BPN và TT đi đe dọa vợ chồng ông L thì cả hai đồng ý. Tất cả thống nhất 03 giờ sáng ngày 09/12/2019 cùng đi, nhưng do TM và TT uống rượu say nên không đi được.

Khoảng 08 giờ ngày 09/12/2019, không nghe tin tức gì của TM nên bị cáo TTBT gọi điện cho TM hỏi “mày ngủ luôn không có đi đe dọa vợ chồng ông L hả?”, thì TT cầm điện thoại của TM trả lời (do TM và TT ngủ chung) “hồi hôm tụi con say quá ngủ quên không có đi, tối nay tụi con đi”. Đến khoảng 02 giờ ngày 10/12/2019, TL mượn xe mô tô biển kiểm soát 83P1-xxx.xx của Nguyễn Văn T chở PNT đến nhà TM thì thấy TT đang uống rượu tại nhà ông Lý L (anh rể TM) nên kêu TT lấy điện thoại của TM. Sau đó, TT đến chỗ TM đang ngủ dùng tay khều hỏi điện thoại đâu, TM lấy điện thoại đưa cho TT, TT nói “tay mày đau ở nhà đi”, TM hiểu và biết rõ TT lấy điện thoại của mình với mục đích để liên lạc với bị cáo TTBT nhưng TM không ngăn cản (chỉ TM mới có số điện thoại của bị cáo TTBT). Sau khi lấy điện thoại TL điều khiển xe chở TT và PNT đến quán NA gặp BPN. Khoảng hơn 03 giờ ngày 10/12/2019, PNT, TT, BPN và TL đi ra ngoài

gọi điện thoại cho bị cáo TTBT để PNT nói chuyện, PNT nói “tụi con ở Sóc Trăng xuống đi cùng TM” đang nói chuyện thì hết tiền điện thoại nên bị cáo TTBT gọi lại, PNT mở loa cho tất cả cùng nghe, PNT nói “1.000.000 đồng bèo quá không đi” thì bị cáo TTBT đồng ý trả 2.000.000 đồng và PNT hỏi “đi dẫn mặt thế nào”, bị cáo TTBT nói “cầm dao đi hăm dọa thôi chứ đừng đánh đập, đâm chém gì hết nhưng phải lấy cây cân và đồ đựng cá đem về để làm tin sẽ đưa tiền, rồi bị cáo TTBT tắt máy. Sau đó, PNT lấy bao đựng 04 con dao đưa cho mỗi người một cây để đem theo, TL điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P1-xxx.xx chở PNT và BPN điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L3-xxxx chở TT đến cầu Kinh củ, thuộc ấp ĐL, xã H, huyện CT thì phát hiện vợ chồng ông L đang đậu xe mua cá (lúc này khoảng 03 giờ 30 phút) nên tất cả dừng xe bước xuống mỗi người cầm 01 cây dao đứng xung quanh vợ chồng ông L; PNT cầm dao chỉ về hướng bị hại nói “đường này có người cân cá rồi, cấm tuyệt đối không được vô đây cân cá nữa” vợ chồng ông L quá sợ hãi nên không kháng cự gì, TL liền lấy cây cân đồng hồ trọng lượng 12kg, TT dùng dao chặt đứt sợi dây buộc thùng đựng cá và lấy thùng cá trê trắng trọng lượng 14 kg. Sau khi lấy tài sản xong, tất cả chạy xe về chòi 4 của quán cà phê NA, PNT gọi điện thoại cho bị cáo TTBT thông báo đã làm xong và yêu cầu bị cáo TTBT đến lấy cân và đưa tiền, bị cáo TTBT đưa 2.000.000 đồng và điện thoại di động cho ông Đào K đến quán cà phê sân vườn gặp PNT; ông Đào K hỏi đi đâu và làm gì, bị cáo TTBT nói cứ chạy xe về hướng về C, xã H trên tuyến quốc lộ 1A sẽ có người đón, ông Đào K cầm tiền và điện thoại chạy xe đi gặp PNT tại quán cà phê NA đưa cho PNT số tiền 2.000.000 đồng và lấy cây cân đem về nhà.

Sau khi có tiền, BPN chia mỗi người 400.000 đồng, còn 400.000 đồng đưa cho PNT đi mua ma túy để sử dụng, PNT bù thêm 100.000 đồng chạy xe đến nhà Võ Văn N ở ấp ĐT, xã H, huyện CT mua ma túy với số tiền 500.000 đồng đem về 04 người sử dụng chung và chừa lại một ít ma túy cho TM. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/12/2019, TL nhờ Nguyễn Văn T và Danh Công H đi bán cá dùm nên T và H chở thùng cá bán cho bà Nguyễn Thị C tại chợ C, thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện K được số tiền 330.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ ngày 10/12/2019, TT, BPN và PNT đến nhà TM, TT và PNT kể lại cho TM đã làm xong vụ bị cáo TTBT thuê được 2.000.000 đồng, sau đó BPN đưa cho TM một ít ma túy để sử dụng và số tiền 200.000 đồng đi mua đồ ăn về tiếp tục uống rượu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện CT tỉnh Sóc Trăng kết luận: một thùng nhựa màu trắng, có chữ Công ty dầu thực vật Minh Huê; một cây cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa, loại 12kg và 14kg cá trê trắng qua định giá 705.000đ (bảy trăm lẻ năm ngàn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện CT tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo TTBT. Tuyên bố bị cáo TTBT, phạm tội “cướp tài sản”.

Phạt bị cáo TTBT: 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về điều luật, hình phạt đối với các bị cáo TM; TT; PNT; TL và BPN, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 28/9/2020, bị cáo TTBT kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, lý do bị cáo bị bệnh tai biến, nhiều biến chứng, còn phải nuôi cha, mẹ già 80 tuổi; hiện gia đình còn thờ cúng 05 liệt sỹ và một bà mẹ Việt BPN anh hùng; bị cáo có học vấn thấp, phạm tội lần đầu nên xin tha tù để có cơ hội đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo TTBT giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự; trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có nộp số tiền 10.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án để bồi thường cho bị hại; hành vi của các bị cáo khác thực hiện vượt quá yêu cầu của bị cáo là việc các bị cáo khác tự cướp thêm sọt cá trê 14kg của các bị hại nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vượt quá này. Đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và do bị cáo TTBT có tình tiết giảm nhẹ mới và có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự nên đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo, giảm án cho bị cáo xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù và không chấp nhận kháng cáo xin án treo của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo TTBT trình bày: vị kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù là quá nghiêm khắc; án sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là chưa tương xứng, chưa đánh giá hết nội dung vụ án, bị cáo TTBT là người mua bán nhỏ, cuộc sống khó khăn vì mưu sinh mà bị cáo vô tình phạm tội. Bản thân bị cáo không thực hiện mà nhờ người TM thực hiện, không mai cho bị cáo TTBT là bị cáo TM là người nghiện và bị cáo TM muốn giúp bạn bè có tiền sử dụng ma túy nên đã rủ thêm bạn bè cùng thực hiện. Mong Hội đồng xét xử đánh giá hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan điều tra hành vi phạm tội của bị cáo là có nhưng ở mức độ nào? Cho rằng bị cáo kêu mang dao theo là chưa có căn cứ nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm về việc các bị cáo khác mang dao theo; trong hồ sơ cũng không thể hiện rõ là kêu lấy hay xin cây cân. Đồng thời, cũng đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét thêm tình trạng bệnh tật của bị cáo cho bị cáo hưởng án treo, vì bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng gì đến bị hại, bị hại cũng có đề nghị giảm án cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo tới đâu thì xử lý tới đó xem xét xử bị cáo ở khoản 1 Điều 168 của Bộ

luật hình sự xử đúng hành vi của bị cáo và giảm án thấp nhất cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chữa trị bệnh.

- Bị cáo TTBT trình bày: Bị cáo không có đủ sức khỏe, bị cáo không am hiểu pháp luật nên không biết việc làm của bị cáo là phạm tội, bị cáo xin lỗi từ nay bị cáo không dám nữa. Xin Tòa cho bị cáo án treo để ở nhà điều trị bệnh và lo cho cha, mẹ già. Bị cáo ở tù là bị cáo không về được và chết không thấy mặt cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo TTBT nộp cho Tòa án nhân dân huyện CT ngày 28/9/2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo TTBT.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận để giải quyết mâu thuẫn trong việc mua bán cá, do các bị hại L, T từ nơi khác đến cân cá dành môi với bị cáo, làm cho việc mua bán cá của bị cáo bị giám sát, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình bị cáo nên bị cáo TTBT đã tìm đến và thuê bị cáo TM để đe dọa vợ chồng ông Mai Văn L và bà Phan Thị T để họ không đến khu vực mà bị cáo cân cá; bị cáo đã dẫn bị cáo TM bằng cách nào cũng được nhưng không đánh đập và với điều kiện phải lấy tài sản của vợ chồng ông L như cái cân hoặc cái khên đựng cá để làm tin thì bị cáo TTBT sẽ trả tiền công. Để thực hiện yêu cầu của bị cáo TTBT bị cáo TM đã rủ các bị cáo TT, TL, BPN và PNT cùng tham gia thực hiện hành vi đe dọa bị hại L, T cùng với TM thì tất cả đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 10/12/2019 TM đưa điện thoại của mình cho các bị cáo TT, TL, BPN và PNT để liên lạc với bị cáo TTBT trao đổi trước khi thực hiện hành vi đe dọa và lấy lấy tài sản của các bị hại. Sau đó, các bị cáo TT, TL, BPN và PNT đã sử dụng dao đi đến khu vực cầu Kinh củ, thuộc ấp ĐL, xã H, huyện CT (lúc này khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày) để thực hiện yêu cầu của bị cáo TTBT là đe dọa các bị hại, sau đó chiếm đoạt một cây cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa, loại 12kg và một thùng cá trê trắng trọng lượng 14kg của bị hại L và T. Tài sản của các bị hại bị chiếm đoạt qua định giá 705.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo và các đồng phạm đã cấu thành tội “cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo TTBT: Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ nhờ TM đi đuổi người bán cá chứ không cho đánh đập người ta, mục đích bị cáo là dùng lời nói đuổi chứ không kêu lấy dao. Xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận nhờ bị cáo “TM” bằng cách nào cũng được đe dọa cho bị hại không đến cân cá và khi làm thì lấy cái cân hay cái khên đựng cá

của bị hại để làm tin là có làm; để thực hiện yêu cầu của bị cáo TTBT, bị cáo TM đã rủ thêm TT, TL, Thanh, BPN cùng thực hiện, các bị cáo đã thực hiện xong và cũng được bị cáo TTBT trả công số tiền 2.000.000 đồng. Mặc dù, bị cáo không thừa nhận có kêu bị hại mang theo dao, chỉ kêu TM không kêu TL, TT, PNT, BPN nhưng để đạt mục đích của bị cáo TTBT thì bị cáo TM đã rủ thêm TL, TT, Thanh, BPN cùng thực hiện, khi thực hiện các bị cáo này đã sử dụng dao nên bị cáo TTBT phải cùng chịu trách nhiệm với các bị cáo khác và bị cáo là giữ vai trò chính là người chủ mưu; bị cáo TM là người truyền đạt và các bị cáo TT, TL, PNT và BPN là người thực hành. Khi cá thể hóa và quyết định hình phạt đối với bị cáo TTBT, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và gia đình có công với nước; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết này quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo TTBT cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết tính chất, mức độ hành vi cũng như tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như “trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự”; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chiếm đoạt thêm cái khên đựng 12kg cá của bị hại là ngoài yêu cầu của bị cáo TTBT nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm với hành vi thoái hóa này, vượt quá yêu cầu bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo TTBT có nộp đơn của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, qua xác minh các bị hại thừa nhận có tự nguyện xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại nhưng bị hại không đồng ý nhận số tiền này nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà áp dụng tình tiết ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ mới là có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đủ căn cứ áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự giảm án cho bị cáo. Mặc dù cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như gia đình có công, ăn năn hối cải, nhưng cần đánh giá thêm về hoàn cảnh gia đình bị cáo bản thân bị cáo bị bệnh tai biến; cha mẹ già trên 80 tuổi; gia đình bên chồng bị cáo có công lớn đối với đất nước hiện vợ chồng bị cáo đang thờ cúng 05 liệt sĩ và một bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải nên tự nguyện nộp tiền bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xem xét xử bị cáo dưới khung hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo TTBT: Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, mức hình phạt của bị cáo là cao hơn 03 năm tù, bị cáo là người chủ mưu nên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định

tại Điều 65 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo TTBT.

[5] Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo TTBT nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện CT tỉnh Sóc Trăng theo biên lai số 009317 ngày 24/11/2020 để đảm bảo Thi hành án. Xét thấy, theo bản án sơ thẩm không tuyên phạt trách nhiệm dân sự và trong quá trình điều tra cũng như giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các bị hại không yêu cầu bồi thường và cũng không đồng ý nhận số tiền này. Vì vậy, bị cáo TTBT được nhận lại số tiền này theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo TTBT. Tuy nhiên, đối với đề nghị của vị kiểm sát viên về tình tiết tại điểm b khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự là bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả là không có căn cứ vì trong suốt quá trình điều tra, xét xử các bị hại không yêu cầu bồi thường cũng không đồng ý nhận tiền bồi thường của bị cáo nên không có căn cứ áp dụng tình tiết này mà chỉ xem là sự ăn năn hối cải của bị cáo về hành vi của bị cáo đối với bị hại. Mức hình phạt vị kiểm sát viên đề nghị từ 03 đến 04 năm tù là thấp so với hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận một phần như đã phân tích trên.

[7] Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là phạm tội nhưng “gây thiệt hại không lớn tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự” là chưa chính xác do mức độ phạm tội của bị cáo ở khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là rất nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, khách thể bị cáo xâm phạm ngoài thiệt hại về vật chất, còn thiệt hại về tinh thần nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Tuy nhiên, bị hại không kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị về tình tiết này và theo quy định pháp luật cấp phúc thẩm không làm bất lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo TTBT. Sửa một phần bản án

hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện CT tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo TTBT: 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

3. Bị cáo TTBT được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009317 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo TTBT không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện CT (02);
- VKSND huyện CT (01);
- CQĐT - Công an huyện CT (01);
- CQTHAHS-Công an huyện CT (01);
- Chi cục THADS huyện CT (01);
- Bị cáo, bị hại, NLQ(04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC PHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Thị Thanh Thúy